

ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2019

1. Thông tin chung

1.1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

- Tên trường: **TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ - ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG (ĐĐQ)**

- Sứ mệnh của nhà trường:

Là một trường đại học định hướng nghiên cứu, chúng tôi tạo dựng môi trường học thuật tiên tiến nhằm thúc đẩy khám phá, ứng dụng, chuyển giao tri thức khoa học kinh tế và quản lý; đảm bảo nền tảng thành công và năng lực học tập suốt đời cho người học; nuôi dưỡng và phát triển tài năng; giải quyết các thách thức kinh tế - xã hội phục vụ sự phát triển thịnh vượng của cộng đồng.

- Địa chỉ: 71 Ngũ Hành Sơn – Thành phố Đà Nẵng

- Điện thoại: (0236) 383 6169

- Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.due.udn.vn

1.2. Quy mô đào tạo

Khối ngành/ Nhóm ngành*	Quy mô hiện tại			
	NCS	Học viên CH	ĐH	
			GD chính quy	GD TX
Khối ngành I				
Khối ngành II				
Khối ngành III	62	951	8278	
Khối ngành IV				
Khối ngành V				
Khối ngành VI				
Khối ngành VII	24	428	2532	
Tổng	86	1379	10810	

1.3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

1.3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất

Năm 2017 và 2018, trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng thực hiện tuyển sinh đại học theo phương án xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia.

1.3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)

Khối ngành/ Ngành/	Năm tuyển sinh 2017	Năm tuyển sinh 2018
--------------------	---------------------	---------------------

Nhóm ngành/tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
Khối ngành III						
Quản trị kinh doanh	360	395	22.00	350	389	19.50
Marketing	130	110	22.50	150	180	19.75
Kinh doanh quốc tế	200	234	24.50	200	253	21.25
Kinh doanh thương mại	125	160	21.75	115	171	19.00
Tài chính - Ngân hàng	295	325	20.25	270	292	18.25
Kế toán	270	331	21.75	270	344	18.50
Kiểm toán	165	209	21.00	145	130	18.50
Quản trị nhân lực	80	73	21.75	80	82	18.75
Hệ thống thông tin quản lý	170	55	20.00	260	118	17.50
Luật	75	67	21.75	75	56	18.00
Luật kinh tế	125	128	22.50	120	116	19.00
Thương mại điện tử				140	204	17.75
Khối ngành VII						
Kinh tế	205	166	21.50	200	197	18.50
Quản lý Nhà nước	85	73	20.25	85	38	17.50
Thống kê kinh tế	50	19	20.00	50	41	17.50
Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	195	200	22.50	260	245	20.00
Quản trị khách sạn	100	114	23.75	150	229	20.25
Tổng	2630	2659		2920	3085	

a. Năm 2017:

+ Khối **Quản trị, Kinh doanh, Thống kê**: Nhà trường xét tuyển các tổ hợp sau cho các ngành: (1) *Hệ thống thông tin quản lý*, (2) *Kế toán*, (3) *Kiểm toán*, (4) *Kinh doanh quốc tế*, (5) *Kinh doanh thương mại*, (6) *Kinh tế*, (7) *Marketing*, (8) *Quản trị kinh doanh*, (9) *Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*, (10) *Quản trị khách sạn*, (11) *Quản trị nhân lực*, (12) *Tài chính - Ngân hàng*, (13) *Thống kê*.

TT	Mã tổ hợp môn	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh

+ Khối **Quản lý nhà nước, Luật**: Nhà trường xét tuyển các tổ hợp sau cho các ngành: (1) *Quản lý nhà nước*, (2) *Luật*, (3) *Luật kinh tế*.

TT	Mã tổ hợp môn	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh

** Không có sự khác biệt về điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong từng ngành.*

b. Năm 2018:

+ Khối **Quản trị, Kinh doanh, Thống kê**: Nhà trường xét tuyển các tổ hợp sau cho các ngành: (1) Hệ thống thông tin quản lý, (2) Kế toán, (3) Kiểm toán, (4) Kinh doanh quốc tế, (5) Kinh doanh thương mại, (6) Kinh tế, (7) Marketing, (8) Quản trị kinh doanh, (9) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, (10) Quản trị khách sạn, (11) Quản trị nhân lực, (12) Tài chính - Ngân hàng, (13) Thống kê, (14) Thương mại điện tử.

TT	Mã tổ hợp môn	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh

+ Khối **Quản lý nhà nước, Luật**: Nhà trường xét tuyển các tổ hợp sau cho các ngành: (1) Quản lý nhà nước, (2) Luật, (3) Luật kinh tế.

TT	Mã tổ hợp môn	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh

** Không có sự khác biệt về điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển trong từng ngành.*

2. Các thông tin của năm tuyển sinh 2019

2.1. Đối tượng tuyển sinh

Thí sinh được công nhận tốt nghiệp kỳ thi tốt nghiệp THPT Quốc gia 2019.

2.2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng xét tuyển học sinh các trường THPT trên toàn quốc.

2.3. Phương thức tuyển sinh

Gồm 2 phương thức:

2.3.1. Xét tuyển thẳng

Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng xét tuyển thẳng, ưu tiên theo thứ tự sau:

NHÓM 1: XÉT TUYỂN THĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY TẤT CẢ CÁC NGÀNH

a) **Đối tượng 1:** Thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:

Xét tuyển thẳng những thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT và những thí sinh đủ điều kiện khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) **Đối tượng 2:** Thí sinh tham gia trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV):

Thí sinh đã tham gia vòng thi tuần trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV), tốt nghiệp và có tổng điểm thi THPTQG năm 2019 theo tổ hợp môn xét tuyển của Trường đạt từ 18 điểm trở lên. Ưu tiên lần lượt theo thứ tự thí sinh tham gia thi năm, quý, tháng, tuần.

c) **Đối tượng 3:** Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì học sinh giỏi dành cho học sinh lớp 12 thuộc các năm 2017, 2018, 2019 cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Xét tuyển thẳng những thí sinh đạt giải **nhất, nhì** trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố (trực thuộc trung ương) bậc THPT. Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự thí sinh đạt (1) giải nhất, (2) giải nhì. Đối với các thí sinh cùng giải thì xét theo điểm đạt giải HSG.

Chú ý cho Đối tượng 1 và Đối tượng 3:

+ Đăng ký vào các ngành thuộc khối **Quản trị, kinh doanh, Thống kê:** Thí sinh đạt giải một trong các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Tin, Sinh học.

+ Đăng ký vào các ngành thuộc khối **Quản lý nhà nước, Luật:** Thí sinh đạt giải một trong các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Tin, Lịch sử, Địa lý.

d) **Đối tượng 4:** Xét tuyển thẳng thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2019) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 46 điểm trở lên và có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (trong đó có môn Toán và một môn khác không phải là Ngoại ngữ) đạt từ 12,0 điểm trở lên. Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng thỏa điều kiện và vượt chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố thì sử dụng tiêu chí để xét tuyển theo thứ tự như sau: (1) điểm tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT, (2) điểm môn thi Toán THPTQG năm 2019.

TT	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành	Mã đăng ký	Chỉ tiêu 2019 Xét tuyển thẳng
	Khối ngành III		
1	Quản trị kinh doanh	7340101TT	70
2	Marketing	7340115TT	30
3	Kinh doanh quốc tế	7340120TT	40
4	Kinh doanh thương mại	7340121TT	25
5	Thương mại điện tử *	7340122TT	25

TT	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành	Mã đăng ký	Chỉ tiêu 2019 Xét tuyển thẳng
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201 TT	55
6	Kế toán	7340301 TT	55
7	Kiểm toán	7340302 TT	30
8	Quản trị nhân lực	7340404 TT	15
9	Hệ thống thông tin quản lý *	7340405 TT	40
10	Luật	7380101 TT	15
11	Luật kinh tế	7380107 TT	25
	Khối ngành VII		
12	Kinh tế	7310101 TT	40
13	Quản lý Nhà nước	7310205 TT	15
14	Thống kê kinh tế	7310107 TT	10
15	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành *	7810103 TT	40
16	Quản trị khách sạn *	7810201 TT	35
	Tổng		565

NHÓM 2: XÉT TUYỂN THĂNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ (100 chỉ tiêu)

Các ngành: Quản trị kinh doanh, Quản trị marketing, Kinh doanh quốc tế, Kế toán

TT	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm ngành	Mã đăng ký (Dùng 1 mã chung cho chương trình)	Chỉ tiêu 2019 Xét tuyển thẳng
1	Quản trị kinh doanh, Quản trị marketing, Kinh doanh quốc tế, Kế toán	7340101 QT	100

Đối tượng: Xét tuyển thẳng thí sinh tốt nghiệp THPT cho Chương trình đào tạo quốc tế (giảng dạy bằng Tiếng Anh):

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2019) đạt **IELTS 5.5** trở lên *hoặc* **TOEFL iBT 46** điểm trở lên và thỏa mãn *hoặc* (1) tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (trong đó có môn Toán và một môn khác không phải là Ngoại ngữ) đạt từ **12,0 điểm trở lên** *hoặc* (2) **điểm trung bình chung học tập năm lớp 12** (điểm học bạ) từ **6,0 trở lên**. Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng thỏa điều kiện và vượt chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố thì sử dụng **tiêu chí** để xét tuyển theo thứ tự như sau: (1) điểm tiếng Anh quốc tế **IELTS** *hoặc* **TOEFL iBT**, (2) tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019, (3) điểm trung bình chung học tập năm lớp 12.

Bảng điểm so sánh tương đương các Chứng chỉ tiếng Anh quốc tế

STT	Chứng chỉ IELTS	Chứng chỉ TOEFL iBT
1	5.5	46 – 59
2	6.0	60 – 78
3	6.5	79 – 93
4	7.0	94 – 101
5	7.5	102 – 109
6	8.0-9.0	110 – 120

Phương thức **tuyển thẳng** tại mục 2.4.1. **dự kiến triển khai vào tháng 7/2019** (ngay sau khi có kết quả thi THPT quốc gia), **trước** khi thực hiện phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia. Các thí sinh đăng ký theo phương thức xét tuyển thẳng:

- + Nếu trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn quy định của Trường.
- + Nếu không trúng tuyển hoặc không xác nhận nhập học **có thể tiếp tục tham gia phương thức xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2019.**

2.3.2. Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT (NHÓM 3)

Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT

Khối ngành đào tạo

+ **Khối Quản trị, kinh doanh, Thống kê:** Gồm các ngành: (1) Hệ thống thông tin quản lý, (2) Kế toán, (3) Kiểm toán, (4) Kinh doanh quốc tế, (5) Kinh doanh thương mại, (6) Kinh tế, (7) Marketing, (8) Quản trị kinh doanh, (9) Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, (10) Quản trị khách sạn, (11) Quản trị nhân lực, (12) Tài chính - Ngân hàng, (13) Thống kê, (14) Thương mại điện tử.

TT	Mã tổ hợp môn	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	D90	Toán, Khoa học tự nhiên, Tiếng Anh

+ **Khối Quản lý nhà nước, Luật:** Gồm các ngành: (1) Quản lý nhà nước, (2) Luật, (3) Luật kinh tế.

TT	Mã tổ hợp môn	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lí, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lí, Tiếng Anh
3	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
4	D96	Toán, Khoa học xã hội, Tiếng Anh

Xét tuyển những thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông, điểm xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi trung học phổ thông quốc gia năm 2019.

TT	Khối ngành/ Ngành/	Mã	Chỉ tiêu 2019
----	--------------------	----	---------------

	Nhóm ngành	đăng ký	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT	Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT (chỉ tiêu đào tạo đặc thù)	Tổng chỉ tiêu
	Khối ngành III				
1	Quản trị kinh doanh	7340101	290		290
2	Marketing	7340115	125		125
3	Kinh doanh quốc tế	7340120	165		165
4	Kinh doanh thương mại	7340121	95		95
5	Thương mại điện tử *	7340122	50	50	100
6	Tài chính - Ngân hàng	7340201	220		220
6	Kế toán	7340301	210		210
7	Kiểm toán	7340302	130		130
8	Quản trị nhân lực	7340404	65		65
9	Hệ thống thông tin quản lý *	7340405	100	50	150
10	Luật	7380101	65		65
11	Luật kinh tế	7380107	100		100
	Khối ngành VII				0
12	Kinh tế	7310101	160		160
13	Quản lý Nhà nước	7310205	65		65
14	Thống kê kinh tế	7310107	40		40
15	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành *	7810103	100	25	125
16	Quản trị khách sạn *	7810201	95	25	120
	Tổng		2075	150	2225

2.4. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Khối ngành/ Ngành/ Nhóm	Chỉ tiêu 2019
-----------	--------------------------------	----------------------

	ngành	<i>Xét tuyển thăng</i>	<i>Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT</i>	<i>Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT (chỉ tiêu đào tạo đặc thù)</i>	<i>Tổng chỉ tiêu</i>
	Khối ngành III				
1	Quản trị kinh doanh	70	290		<i>360</i>
2	Marketing	30	125		<i>155</i>
3	Kinh doanh quốc tế	40	165		<i>205</i>
4	Kinh doanh thương mại	25	95		<i>120</i>
5	Thương mại điện tử *	25	50	50	<i>125</i>
6	Tài chính - Ngân hàng	55	220		<i>275</i>
6	Kế toán	55	210		<i>265</i>
7	Kiểm toán	30	130		<i>160</i>
8	Quản trị nhân lực	15	65		<i>80</i>
9	Hệ thống thông tin quản lý *	40	100	50	<i>190</i>
10	Luật	15	65		<i>80</i>
11	Luật kinh tế	25	100		<i>125</i>
	Khối ngành VII				
12	Kinh tế	40	160		<i>200</i>
13	Quản lý Nhà nước	15	65		<i>80</i>
14	Thống kê kinh tế	10	40		<i>50</i>
15	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành *	40	100	25	<i>165</i>
16	Quản trị khách sạn *	35	95	25	<i>155</i>
	Chương trình đào tạo quốc tế **	100			<i>100</i>
	Tổng	<i>665</i>	<i>2075</i>	<i>150</i>	<i>2890</i>

Ghi chú: Trong trường hợp (2.3.1) xét tuyển thẳng không tuyển sinh hết chỉ tiêu, chỉ tiêu còn dư sẽ được chuyển sang phương thức (2.3.2) xét tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2019 của ngành tương ứng.

** Các ngành có đào tạo theo cơ chế đặc thù.*

***** Chương trình đào tạo quốc tế*** là chương trình hợp tác đào tạo đại học giữa Trường Đại học Kinh tế - ĐHQĐ và Đại học Cardiff Metropolitan (Anh quốc); do Đại học Cardiff Metropolitan cấp bằng. Chương trình được giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Anh, 2 năm học tại Việt Nam, 2 năm học tại Vương quốc Anh; với các ngành đào tạo gồm **Quản trị kinh doanh, Quản trị marketing, Kinh doanh quốc tế, Kế toán**. Các sinh viên theo học chương trình này nếu 2 năm cuối không chuyển tiếp sẽ học tại Việt Nam và được Trường ĐH Kinh tế cấp bằng.

2.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT: **Tất cả các thí sinh được công nhận tốt nghiệp kỳ thi THPT Quốc gia đều được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển đại học 2019. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sẽ thông báo sau khi có kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.**

2.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường

T T	Tên ngành/Nhóm ngành	Mã ĐKXT	Chỉ tiêu dự kiến	Tổ hợp xét tuyển	Mã tổ hợp xét tuyển	Tiêu chí phụ đối với các thí sinh bằng điểm	Điểm chuẩn giữa các tổ hợp	Ngưỡng ĐBCL đầu vào	Tuyển sinh kỳ I
II	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ (ĐH Đà Nẵng)	DDQ	2890						
1	Kinh tế	7310101	200	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90	Không	Bằng nhau	Công bố sau khi có kết quả thi THPT Quốc gia	x
2	Thống kê kinh tế	7310107	50	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90				x
3	Quản lý nhà nước	7310205	80	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHXX + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D96				x
4	Quản trị kinh doanh	7340101	360	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học	1. A00 2. A01				x

				2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	3. D01 4. D90			
5	Marketing	7340115	155	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90			x
6	Kinh doanh quốc tế	7340120	205	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90			x
7	Kinh doanh thương mại	7340121	120	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90			x
8	Thương mại điện tử	7340122	125	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90			x

				4. Toán + KHTN + Tiếng Anh				
14	Luật	7380101	80	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHXH + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D96			X
15	Luật kinh tế	7380107	125	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHXH + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D96			
16	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	165	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90			X
17	Quản trị khách sạn	7810201	155	- Xét tuyển thẳng - Xét tổ hợp: 1. Toán + Vật lý + Hóa học 2. Toán + Vật lý + Tiếng Anh 3. Ngữ văn + Toán + Tiếng Anh 4. Toán + KHTN + Tiếng Anh	1. A00 2. A01 3. D01 4. D90			X
18	Chương trình đào tạo quốc tế **	7340120QT	100	Tuyển thẳng thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2019) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL				X

			iBT 46 điểm trở lên và thỏa mãn hoặc (1) có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (trong đó có môn Toán và một môn khác không phải là Ngoại ngữ) đạt từ 12,0 điểm trở lên hoặc (2) có điểm trung bình chung học tập năm lớp 12 từ 6,0 trở lên.				
--	--	--	--	--	--	--	--

2.7. Tổ chức tuyển sinh:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2.8. Chính sách ưu tiên:

a) **Đối tượng 1:** Thí sinh đạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế:

Xét tuyển thẳng những thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế bậc THPT và những thí sinh đủ điều kiện khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) **Đối tượng 2:** Thí sinh tham gia trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV):

Thí sinh đã tham gia vòng thi tuần trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV), tốt nghiệp và có tổng điểm thi THPTQG năm 2019 theo tổ hợp môn xét tuyển của Trường đạt từ 18 điểm trở lên. Ưu tiên lần lượt theo thứ tự thí sinh tham gia thi năm, quý, tháng, tuần.

c) **Đối tượng 3:** Thí sinh đạt giải Nhất, Nhì học sinh giỏi dành cho học sinh lớp 12 thuộc các năm 2017, 2018, 2019 cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

Xét tuyển thẳng những thí sinh đạt giải **nhất, nhì** trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố (trực thuộc trung ương) bậc THPT. Xét tuyển ưu tiên theo thứ tự thí sinh đạt (1) giải nhất, (2) giải nhì. Đối với các thí sinh cùng giải thì xét theo điểm đạt giải HSG.

Chú ý cho Đối tượng 1 và Đối tượng 3:

+ Đăng ký vào các ngành thuộc khối **Quản trị, kinh doanh, Thống kê:** Thí sinh đạt giải một trong các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Tin, Sinh học.

+ Đăng ký vào các ngành thuộc khối **Quản lý nhà nước, Luật:** Thí sinh đạt giải một trong các môn Toán, Vật lý, Hoá học, Ngữ Văn, Tiếng Anh, Tin, Lịch sử, Địa lý.

d) **Đối tượng 4:** Xét tuyển thẳng thí sinh tốt nghiệp THPT có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2019) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 46 điểm trở lên và có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (trong đó có môn Toán và một môn khác không phải là Ngoại ngữ) đạt từ 12,0 điểm trở lên. Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng thỏa điều kiện và vượt chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố thì sử dụng tiêu chí để xét tuyển theo thứ tự như sau: (1) điểm tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT, (2) điểm môn thi Toán THPTQG năm 2019.

e) **Đối tượng 5:** Xét tuyển thẳng thí sinh tốt nghiệp THPT cho Chương trình đào tạo quốc tế (giảng dạy bằng Tiếng Anh):

Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2019) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 46 điểm trở lên và thỏa mãn hoặc (1) tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng (trong đó có môn Toán và một môn khác không phải là Ngoại ngữ) đạt từ 12,0 điểm trở lên hoặc (2) điểm trung bình chung học tập năm lớp 12 (điểm học bạ) từ 6,0 trở lên. Trong trường hợp nhiều thí sinh cùng thỏa điều kiện và vượt chỉ tiêu tuyển sinh đã công bố thì sử dụng tiêu chí để xét tuyển theo thứ tự như sau: (1) điểm tiếng Anh quốc tế IELTS hoặc TOEFL iBT, (2) tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019,

(3) điểm trung bình chung học tập năm lớp 12.

2.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:

Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

2.10. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

Nhà trường thực hiện tính toán và công khai mức thu học phí cho từng nhóm ngành, chuyên ngành căn cứ nhu cầu của xã hội, bảo đảm mức thu học phí bình quân của các nhóm ngành (của các chương trình đại trà) không vượt quá mức thu học phí bình quân ở bảng sau. Lộ trình thay đổi mức thu học phí qua các năm tương ứng với các mức thu học phí của các chuyên ngành năm học 2019-2020 như sau:

DVT: Triệu đồng/SV/năm

Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
11,5	12,5	13,5	14,5
15,5	16,5	17,5	18,5
18,5	20,5	21,5	22,5

Chú ý: Sinh viên được hưởng các chính sách ưu đãi; miễn giảm, hỗ trợ học tập được áp dụng mức học phí theo mục 2.11.

Riêng đối với Chương trình đào tạo quốc tế, chi phí cho 2 năm đầu học tại Việt Nam và ước tính cho 2 năm sau học tại Anh như sau:

Năm	Năm 1	Năm 2	Năm 3	Năm 4
Học phí	50.000.000 đ	50.000.000 đ	£9,500.00	£9,500.00
Chi phí sinh hoạt khi theo học tại nước ngoài (ước tính)			£7,000	£7,000

2.11. Chính sách dành cho sinh viên

a. Chính sách ưu đãi trong tuyển sinh

a.1. Học bổng đặc biệt

- Đối tượng:

- + Sinh viên được xét tuyển thẳng đạt giải học sinh giỏi quốc gia, quốc tế;
- + Sinh viên có điểm xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT năm 2019 đạt 26,5 điểm trở lên (không tính điểm ưu tiên).

- Mức cấp:

- + Bằng 100% học phí theo chương trình đào tạo;
- + Miễn 100% nội trú phí tại Ký túc xá Trường ĐH Kinh tế;
- + Được hỗ trợ sinh hoạt phí 10.000.000 đồng/năm học.

- Thời gian cấp:

- + Sinh viên được cấp học bổng trong năm học thứ Nhất (Sinh viên phải hoàn lại học bổng nếu bỏ học không có lý do chính đáng)

+ Sinh viên sẽ tiếp tục được cấp học bổng **các học kỳ tiếp theo**, nếu có kết quả **học tập đạt loại giỏi và rèn luyện đạt loại tốt trở lên**.

a2. Học bổng toàn phần và bán phần

- Đối tượng:

+ Thí sinh tham gia trong cuộc thi “Đường lên đỉnh Olympia” trên Đài truyền hình Việt Nam (VTV);

+ Sinh viên được xét tuyển thẳng đạt **giải nhất, nhì** học sinh giỏi cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Loại – Mức cấp – Đối tượng cấp học bổng

Loại học bổng	Mức cấp học bổng	Đối tượng cấp học bổng
Toàn phần	Bằng 100% học phí theo chương trình đào tạo	- Thí sinh tham gia “Olimpia” năm và quý - Giải Nhất học sinh giỏi
Bán phần	Bằng 50% học phí theo chương trình đào tạo	- Thí sinh tham gia “Olimpia” tháng và tuần - Giải Nhì

- Thời gian:

+ Sinh viên được cấp học bổng trong Học kỳ 1 năm học thứ Nhất (sinh viên phải hoàn lại học bổng nếu bỏ học không có lý do).

+ Từ học kỳ tiếp theo, sinh viên sẽ được xét cấp học bổng căn cứ vào kết quả học tập và rèn luyện tại Trường.

b. Chính sách học bổng khuyến khích học tập

- Đối tượng:

+ Sinh viên được xét tuyển thẳng có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn 2 năm (tính đến ngày 20.08.2019) đạt IELTS 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT 46 điểm trở lên và có tổng điểm 02 (hai) bài/môn thi THPTQG năm 2019 trong tổ hợp môn xét tuyển của Trường ĐH Kinh tế - ĐH Đà Nẵng (trong đó có môn Toán và một môn khác không phải là Ngoại ngữ) đạt từ 12,0 điểm trở lên (Đối tượng 4 trong xét tuyển thẳng).

+ Sinh viên được xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT năm 2019.

- Loại học bổng – Trình tự xét – Mức cấp – Số lượng:

Loại	Trình tự xét theo thứ tự	Mức cấp học bổng	Số lượng
Học bổng toàn phần	1/ Sinh viên xét tuyển thẳng có điểm IELTS từ 7.5 hoặc TOEFL iBT từ 102 trở lên 2/ Căn cứ theo điểm xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT từ cao xuống thấp 3/ Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học kỳ xét học bổng.	Bằng 100% học phí theo chương trình đào tạo	0,5% số lượng sinh viên / chuyên ngành đào tạo

Học bổng bán phần	1/ Sinh viên tuyển thẳng có điểm IELTS từ 6.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 79 trở lên 2/ Căn cứ theo điểm xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT từ cao xuống thấp. 3/ Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học kỳ xét học bổng.	Bằng 50% học phí theo chương trình đào tạo	2,0% số lượng sinh viên / chuyên ngành đào tạo
Học bổng hỗ trợ	1/ Sinh viên tuyển thẳng có điểm IELTS từ 5.5 trở lên hoặc TOEFL iBT từ 46 trở lên 2/ Căn cứ theo điểm xét tuyển dựa trên kết quả kỳ thi THPT từ cao xuống thấp. 3/ Căn cứ kết quả học tập và rèn luyện của học kỳ xét học bổng.	Bằng 25% học phí theo chương trình đào tạo	12,5% số lượng sinh viên/ chuyên ngành đào tạo

Ghi chú: Tỷ lệ phân chia số lượng sinh viên nhận học bổng trong một chuyên ngành đào tạo có thể được thay đổi để phù hợp với nguồn quỹ học bổng được cấp.

- Thời gian:

Sinh viên được xét cấp học bổng theo từng học kỳ của năm học (hoàn lại học bổng nếu bỏ học không có lý do)

c. Chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập

- Trường ĐH Kinh tế xét miễn, giảm học phí cho sinh viên thuộc các đối tượng chính sách năm học 2019-2020. Bao gồm:

+ Đối tượng miễn học phí: Hỗ trợ 100% học phí toàn khóa học.

+ Đối tượng giảm học phí: Mức giảm 70% và Mức giảm 50%;

- Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và cận nghèo bằng 60% mức lương cơ sở.

d. Chính sách hỗ trợ sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo và có hoàn cảnh đặc biệt

- Chính sách của “Quỹ hỗ trợ đặc biệt” – Trường Đại học Kinh tế:

+ Hỗ trợ 100% hoặc một phần học phí cho sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

+ Trợ cấp xã hội hàng tháng cho sinh viên thuộc gia đình hộ nghèo, mồ côi cả cha mẹ, là người dân tộc ít người ở vùng cao.

- Hỗ trợ 100% lãi suất vay phục vụ học tập tại “Quỹ tín dụng đào tạo” của Ngân hàng chính sách xã hội cho sinh viên thuộc hộ nghèo và mồ côi cả cha mẹ.

- Ưu tiên bố trí ở tại Ký túc xá Nhà trường và việc làm thêm ngoài giờ học tập.

- Ưu tiên xét cấp học bổng tài trợ của các cá nhân và tổ chức ngoài trường.

Thông tin hỗ trợ tuyển sinh

Bộ phận Tư vấn tuyển sinh

Điện thoại: 0911 233 777, (0236) 352 2345

Fanpage: <https://www.facebook.com/FaceDue/>

Website: <https://due.udn.vn/tuvantuyensinh2019>

Thông tin trực để hỗ trợ giải đáp thắc mắc:

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Email	Điện thoại
1	Trần Quốc Hùng	Trưởng Phòng Công tác sinh viên	hung.tq@due.edu.vn	0911223777
2	Trương Đình Quốc Bảo	Phó Giám đốc Trung tâm CNTT&TT	baotdq@due.edu.vn	0905915510

3. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm

4. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng

4.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu:

4.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá tin đến 31/12/2018:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Tổng số
I	Diện tích đất đai cơ sở đào tạo quản lý sử dụng	ha	45,788
II	Diện tích sàn xây dựng	m ²	37.917,91
III	Giảng đường/phòng học	m ²	19.365.5
1	Số phòng học	phòng	89
2	Diện tích	m ²	19.365.5
IV	Phòng học máy tính		
1	Số phòng học	phòng	03
2	Diện tích	m ²	304
V	Phòng học ngoại ngữ		
1	Số phòng học	phòng	0
2	Diện tích	m ²	0
VI	Thư viện		
1	Diện tích	m ²	2.365
VII	Phòng thí nghiệm		
1	Số phòng học	phòng	0
2	Diện tích	m ²	0
VIII	Xưởng thực tập, thực hành		

1	Số phòng học	phòng	0
2	Diện tích	m2	0
IX	Ký túc xá thuộc cơ sở đào tạo quản lý		
1	Số phòng	phòng	132
2	Diện tích	m2	8.453
X	Diện tích nhà ăn sinh viên thuộc cơ sở đào tạo quản lý	m2	379
XI	Diện tích khác		
1	Diện tích hội trường	m2	859,
2	Diện tích nhà văn hóa	m2	0
3	Diện tích nhà thi đấu đa năng	m2	950
4	Diện tích bể bơi	m2	0
5	Diện tích sân vận động	m2	5.000

4.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng máy tính	Máy tính

4.1.3 Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	06
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	41
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	42
5	Số phòng học đa phương tiện	0

4.1.4 Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

TT	Nhóm ngành đào tạo	Số lượng
1	Nhóm ngành I	
2	Nhóm ngành II	
3	Nhóm ngành III	274.229
4	Nhóm ngành IV	
5	Nhóm ngành V	21.063
6	Nhóm ngành VI	
7	Nhóm ngành VII	119.914

4.2. Danh sách giảng viên cơ hữu: Phụ lục 1a kèm theo

4.3. Danh sách giảng viên thỉnh giảng: Phụ lục 1b kèm theo

5. Tình hình việc làm (thống kê cho 2 khóa tốt nghiệp gần nhất)

Nhóm ngành	Chỉ tiêu Tuyển sinh			Số SV/HS trúng tuyển nhập học			Số SV/HS tốt nghiệp			Trong đó số SV/HS tốt nghiệp đã có việc làm sau 12 tháng		
	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP	ĐH	CĐSP	TCSP
Năm 2016 - 2017												
Nhóm III	1995			2087			1169			1140		
Nhóm VII	635			572			224			220		
Năm 2017 – 2018												
Nhóm III	2035			2152			1155			1139		
Nhóm VII	745			757			452			446		
Cộng 2 năm												
Nhóm III	4030			4239			2324			2280		
Nhóm VII	1380			1329			676			666		

6. Tài chính

- Tổng nguồn thu hợp pháp/năm của trường:

136.156.395.000 đồng

- Tổng chi phí đào tạo trung bình 1 sinh viên/năm của năm liền trước năm tuyển sinh:

13.031.300 đồng/ SV/ năm.

Đà Nẵng, ngày tháng 12 năm 2018

HIỆU TRƯỞNG

